

Số: 3639 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm, 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh, bổ sung các khu mỏ cát sông để phục vụ công trình trọng điểm quốc gia) theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Căn cứ Nghị quyết số 289/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 768/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 139/BC-HĐTD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

1. Phần lãnh thổ đất liền

Toàn bộ thành phố Cần Thơ, với 103 đơn vị hành chính bao gồm: bao gồm 31 phường và 72 xã. Phía Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long; phía Đông Nam giáp biển Đông; phía Tây Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Tây Nam giáp tỉnh An Giang, Cà Mau.

2. Phần không gian biển

Được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển thành phố Cần Thơ phải bám sát chủ trương, đường lối, các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, phù hợp Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; đảm bảo thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời phát huy vai trò đặc biệt của Cần Thơ là trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long (vùng hạ lưu sông Mê Kông), cực tăng trưởng quốc gia và cửa ngõ kết nối vùng với biển Đông và quốc tế.

b) Phát triển dựa trên tư duy và tầm nhìn chiến lược, dài hạn, chủ động kiến tạo, tạo đột phá phát triển, khẳng định Cần Thơ là trung tâm động lực, hạt nhân lan tỏa, đầu mối điều phối liên kết vùng; là đô thị sông - biển mang bản sắc đặc thù của vùng hạ lưu sông Mê Kông, giữ vai trò dẫn dắt quá trình tái cấu trúc không gian phát triển của toàn vùng.

c) Phát triển thành phố Cần Thơ theo tinh thần “một tầm nhìn - một bộ máy thống nhất - một cộng đồng đồng thuận, trách nhiệm”; lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để phát huy nội lực. Tăng cường liên kết vùng, liên vùng và quốc tế nhằm huy động ngoại lực và sức mạnh thời đại để phát triển đột phá về kinh tế, logistics, thương mại, khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao và là mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, bền vững, năng động và hiệu quả cao của cả nước, khu vực và thế giới.

d) Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung nguồn lực vào một số ngành, lĩnh vực, địa bàn có vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao và các tiềm năng, lợi thế khác cho phát triển để hình thành các cực tăng trưởng, vùng động lực và hành lang kinh tế tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế toàn thành phố phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, đặc biệt khai thác các hành lang kinh tế gắn với sông Hậu, cảng biển Trần Đề. Đồng thời, có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp với điều kiện của nền kinh tế để đảm bảo an sinh xã hội, cung cấp các dịch vụ công cho các khu vực khó khăn, đặc biệt là dịch vụ y tế, giáo dục, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các địa bàn thuận lợi.

đ) Lấy con người, tri thức và chất lượng cuộc sống làm trung tâm, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh

tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế phát thải thấp làm động lực chủ đạo; phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại (giao thông đa phương thức, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng sạch, hạ tầng logistics) làm nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút nguồn lực mới.

e) Phát triển bền vững là nguyên tắc cốt lõi, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với văn hóa - xã hội - môi trường. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các loại khoáng sản; đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

g) Tổ chức không gian phát triển hiệu quả, thống nhất, gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển, khai thác tối đa lợi thế của không gian sông, biển; phát triển các không gian chức năng liên hoàn (đất liền - sông - biển); hình thành trục kinh tế biển Trần Đề - Cù Lao Dung, chú trọng phát triển dịch vụ biển, hàng hải, năng lượng, nuôi trồng và khai thác thủy sản xa bờ, kết nối với các hành lang kinh tế quốc gia và quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Thành phố Cần Thơ trở thành một cực tăng trưởng của quốc gia, giữ vai trò động lực phát triển, lan tỏa, dẫn dắt cả vùng. Là trung tâm của vùng về thương mại, du lịch, logistics, kinh tế biển, công nghiệp chế biến, công nghệ chiến lược, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, trung tâm khởi nghiệp, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển văn hoá, thể thao của cả vùng; là đô thị hạt nhân mang đậm bản sắc văn hoá sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có hạ tầng hoàn thiện đồng bộ, thông suốt trong thành phố và kết nối thuận lợi với các tỉnh lân cận; xây dựng con người Cần Thơ giàu bản sắc, có lý tưởng cách mạng, có đạo đức, trí tuệ, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, môi trường và an ninh nguồn nước được bảo vệ; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể

*** Về kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 trên 10%/năm.
- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2026 - 2030 trên 10%/năm.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng đến năm 2030 ở mức trên 55%.
- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Tổng sản phẩm bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 8.500 USD.

- Tổng thu ngân sách hằng năm tăng khoảng 15%; phấn đấu đến năm 2030 ước đạt 57.000 tỷ đồng.

- Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 dự kiến: tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm thấp hơn 16%; công nghiệp và xây dựng chiếm cao hơn 35% (trong đó, công nghiệp chiếm hơn 29%); dịch vụ chiếm cao hơn 45% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm cao hơn 4%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt dưới 38%, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt trên 27%, khu vực dịch vụ đạt trên 35%; duy trì tỷ lệ thất nghiệp dưới 3,5%.

- Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành giai đoạn 2026 - 2030 đạt tối thiểu 1.000-1.100 nghìn tỷ đồng (bình quân 216 - 217 nghìn tỷ đồng/năm); chiếm 40% GRDP.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 50% trở lên.

* Về xã hội:

- Dân số trung bình là 3.335.000 dân.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt tối thiểu 0,78.

- Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 35 - 40%; số lao động có việc làm trong nền kinh tế phấn đấu đạt 1.700.000 người;

- Phấn đấu đạt 19 bác sĩ/vạn dân; số giường bệnh đến cuối năm 2030 đạt trên 44 giường bệnh/vạn dân; đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; 100% người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm.

- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 phấn đấu đạt 85%. Trong đó: Mầm non đạt 90,5%; tiểu học đạt 83,9%; trung học cơ sở đạt 83,6%; trung học phổ thông đạt 73,5%. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều là 2,42%, duy trì mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 1%.

* Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 2,0%.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường phấn đấu đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 95,8%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tối thiểu 98%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

- Phấn đấu đạt 90,3% xã (65/72 xã) đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn (%) phấn đấu đạt 85%.

* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

Đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; thực hiện tốt phòng, chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Thành phố Cần Thơ trở thành đô thị sông - biển hiện đại đặc sắc của Đông Nam Á, là “Cửa ngõ Mê Kông xanh - thông minh - giàu bản sắc”, trung tâm năng lượng, logistics sông - biển và dịch vụ đô thị cao cấp của tiểu vùng, công nghiệp xanh - tuần hoàn, dẫn dắt chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp; xã hội tri thức, văn minh, người dân có chất lượng sống cao, môi trường an toàn, hạ tầng hiện đại, kết nối thông minh và bền vững.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; vận hành thống nhất, thông suốt và tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn cản trở phát triển. Ưu tiên ban hành và triển khai các cơ chế đặc thù, đột phá chiến lược để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực: cơ chế thu hút đầu tư, thu hút và giáo dục, đào tạo phát triển nhân lực chất lượng cao, cơ chế phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, cơ chế tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và cả nước.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao năng suất lao động. Chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao rõ rệt đóng góp của TFP, phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của thành phố, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, giảm mạnh chi phí giao dịch, chi phí tuân thủ và thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao khả năng cạnh tranh khu vực.

- Phát huy vai trò đầu tàu, gia tăng sức lan tỏa và vị thế của thành phố đối với quốc gia, quốc tế; chủ động dẫn dắt, hợp tác phát triển các địa phương trong vùng; mở rộng liên kết chiến lược với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và khu vực vùng sông Mê Kông. Tập trung xây dựng, vận hành hiệu quả các hành lang kinh tế, hệ sinh thái logistics - công nghiệp - thương mại sông biển; thúc đẩy kết nối hạ tầng, thị trường, nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng và đổi mới sáng tạo.

b) Các khâu đột phá chiến lược

- Đổi mới tư duy quản lý, điều hành: Phát triển theo hướng chiến lược, dài hạn, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến

khích kinh tế tư nhân, phát triển không gian kinh tế mới; mở rộng, hội nhập sâu rộng, tăng cường liên kết đa chiều phát huy vai trò là hạt nhân lan tỏa, điều phối và dẫn dắt toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long; thu hút nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội, quảng bá hình ảnh của Thành phố Cần Thơ trong khu vực và quốc tế.

- Đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: đẩy mạnh chăm sóc nâng cao sức khỏe, đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các trụ cột chiến lược phát triển của thành phố: logistics - năng lượng - chế biến sâu - đô thị thông minh - kinh tế số - kinh tế xanh - trung tâm giáo dục đào tạo, y tế chuyên sâu - khoa học công nghệ - đổi mới sáng tạo. Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực lãnh đạo quản lý, nhân lực kỹ thuật cao; tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước; từng bước hình thành trung tâm đào tạo - đổi mới sáng tạo - nghiên cứu và phát triển của vùng Mê Kông.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng và tổ chức không gian phát triển: Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội chiến lược như hạ tầng logistics sông - biển, hạ tầng năng lượng, hạ tầng công nghiệp chế biến - công nghiệp xanh, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng số; kết nối liên tỉnh, liên vùng và quốc tế. Tổ chức không gian phát triển theo mô hình “thành phố sông - biển”, khai thác hiệu quả lợi thế tài nguyên, khí hậu, hệ sinh thái, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, phát thải thấp. Phát triển đồng bộ các hành lang kinh tế, hình thành hệ sinh thái logistics - công nghiệp - thương mại dịch vụ hiện đại, tạo động lực lan tỏa phát triển vùng.

- Phát triển khoa học công nghệ - đổi mới sáng tạo - chuyển đổi số: Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ số, tự động hóa, AI, IoT, blockchain. Triển khai mô hình “chính quyền đô thị thông minh hai cấp”, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển môi trường số an toàn, mở, thân thiện, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận dịch vụ chất lượng cao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, hiện đại, trở thành một trong những trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế thành phố Cần Thơ, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Phát huy vai trò trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn phát triển công nghiệp với lợi thế vùng nguyên liệu, kinh tế biên, hệ thống cảng biển, cảng sông, logistics và hạ tầng giao thông của Thành phố.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, gồm: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản và thực phẩm chất lượng cao; công nghiệp năng lượng và năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, điện khí LNG); công nghiệp cơ khí chế tạo, thiết bị điện, điện tử; công nghiệp sản xuất thiết bị y tế, hóa dược, dược phẩm; công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới, vật liệu xây

dựng xanh; công nghiệp dệt may, nhựa, cao su theo hướng công nghệ sạch và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng.

- Hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế quy mô lớn, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững; phát triển nhanh các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ và trung tâm công nghiệp năng lượng sinh thái gắn với các trục giao thông chiến lược, cảng biển Trần Đề, các cảng sông trên sông Hậu và Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, nhằm thu hút các dự án đầu tư lớn, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, đồng thời thúc đẩy mạng lưới cụm công nghiệp phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Ngành dịch vụ

- Thương mại: Phát triển nhanh và bền vững các loại hình thương mại trên địa bàn Thành phố, xây dựng Cần Thơ trở thành trung tâm giao thương, thương mại và dịch vụ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cửa ngõ kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. củng cố, phát triển các kênh phân phối hàng hóa theo hướng văn minh, hiện đại; kết hợp hài hòa giữa các loại hình thương mại truyền thống (chợ, chợ nổi, chợ đêm,...) với thương mại điện tử và các phương thức kinh doanh số. Tạo đột phá trên cơ sở mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình thương mại, nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội và đời sống nhân dân. Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, hội chợ - triển lãm vùng, siêu thị, chợ đầu mối, trung tâm logistics; thúc đẩy và từng bước đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chủ động hội nhập kinh tế, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTAs).

Du lịch: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tiến tới mũi nhọn, với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, thân thiện môi trường, mang bản sắc văn hóa sông nước của Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch sông nước - chợ nổi, du lịch văn hóa - lịch sử - tín ngưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng. Xây dựng Cần Thơ trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, có khả năng cạnh tranh cao trong nước và khu vực, là trung tâm đón khách và phân phối khách du lịch của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Các ngành dịch vụ khác: Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Phát triển các ngành dịch vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế trung tâm vùng, khuyến khích sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; ưu tiên tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế cạnh tranh cao như logistics, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục - đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, bất động sản đô thị - công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Phát triển đồng bộ dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội và dịch vụ công, nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, góp phần

khẳng định vị thế Cần Thơ là trung tâm dịch vụ tổng hợp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Ngành nông nghiệp

Định hướng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm vùng về kinh tế nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, là đầu mối thu gom, chế biến, phân phối và xuất nhập khẩu nông sản cho toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Chuyển mạnh từ nông nghiệp đơn ngành sang kinh tế nông nghiệp tích hợp đa giá trị (sản xuất - chế biến - phân phối - dịch vụ - du lịch - sinh thái - văn hóa), phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn gắn với chuyển đổi số toàn diện, coi chuyển đổi số là “hệ điều hành” mới của hệ sinh thái nông nghiệp nông thôn.

Phát triển trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo hướng tập trung, chuyên canh, liên kết chuỗi giá trị, tích tụ đất đai, cơ giới hóa, tự động hóa; gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ và du lịch nông nghiệp; phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, gắn với du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng; đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Thành phố phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và khẳng định vai trò Cần Thơ là trung tâm động lực nông nghiệp của Vùng.

2. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn với hội nhập quốc tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Triển khai hiệu quả chương trình đổi mới giáo dục các cấp; phát huy vai trò Cần Thơ là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng của vùng và cả nước. Xây dựng khu nghiên cứu, giáo dục - đào tạo tập trung tại các phường Vị Thanh, Vị Thanh 1, Vị Tân, vị trí cụ thể sẽ được nghiên cứu, xác định trong quy hoạch chung thành phố Cần Thơ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục tiên tiến trong nước và quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa phát triển giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng cho mọi người dân, nhất là trẻ em và người khuyết tật; đáp ứng nhu cầu tiếp cận giáo dục có chất lượng, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và công bằng trong giáo dục trên địa bàn Thành phố.

- Phấn đấu đến năm 2030, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đẩy mạnh đổi mới mô hình trường chuyên, trường năng khiếu để tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia, mở rộng các lớp chuyên khối STEM/STEAM.

- Thành lập các cơ sở trung học nghề tương đương cấp trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế Thành phố Cần Thơ theo hướng hiện đại, chất lượng, đồng bộ và bền vững, bảo đảm cân đối, hài hòa giữa y tế dự phòng và khám chữa bệnh. Chuyển mạnh tư duy từ “chữa bệnh” sang “phòng bệnh chủ động”, lấy y tế dự phòng và y tế cơ sở làm nền tảng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân từ sớm, từ xa.

- Nâng cao toàn diện sức khỏe người dân về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng sống; kiểm soát tốt dịch bệnh, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh tật. Phát triển hệ thống theo hướng hội nhập quốc tế; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có y đức, chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

- Đầu tư phát triển các dịch vụ y tế chuyên sâu và chất lượng cao tại các bệnh viện trên địa bàn Thành phố; kết hợp phát triển y học hiện đại với y học cổ truyền, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe chủ động; thúc đẩy các mô hình bác sĩ gia đình, khám chữa bệnh từ xa, y tế số.

- Khuyến khích, thu hút nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; đẩy mạnh xã hội hóa y tế gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Phát triển trung tâm kiểm soát bệnh tật theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực giám sát, phòng chống dịch bệnh chủ động thích ứng an toàn với các tình huống y tế công cộng khẩn cấp và biến đổi khí hậu.

- Gắn phát triển y tế với dịch vụ du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch y tế, từng bước hình thành các sản phẩm du lịch khám chữa bệnh chất lượng cao. Phấn đấu xây dựng Cần Thơ trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội bền vững.

c) Văn hóa, thể thao

- Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy di sản truyền thống và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở. Công tác bảo tồn di tích, di sản phi vật thể và các loại hình nghệ thuật truyền thống gắn với phát triển đô thị, du lịch và giáo dục thế hệ trẻ; thúc đẩy sáng tạo nghệ thuật, mở rộng không gian sáng tác, khuyến khích phong trào đọc sách, xây dựng văn hóa ứng xử văn minh và chương trình giáo dục văn hóa - lịch sử địa phương. Phát triển văn hóa - con người được đặt làm trọng tâm thông qua chuẩn hóa hệ giá trị, nâng cao năng lực tiếp cận tri thức, phòng ngừa các hành vi lệch chuẩn xã hội, xây dựng đội ngũ nhân lực văn hóa chất lượng cao và có khả năng hội nhập.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa. Hình thành hệ sinh thái văn hóa số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, thu

viện số, bảo tàng số và nền tảng khai thác di sản trực tuyến. Công nghiệp văn hóa được định vị là ngành kinh tế mới với các lĩnh vực có lợi thế như du lịch văn hóa sông nước, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế sáng tạo và nội dung số. Việc thu hút doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và hình thành khu công nghiệp văn hóa sẽ tạo động lực để Cần Thơ trở thành trung tâm văn hóa sáng tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

- Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng gắn với nâng cao sức khỏe nhân dân; đồng thời chú trọng đầu tư thể thao thành tích cao ở các môn thể mạnh của Thành phố.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Ưu tiên huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư để đầu tư hạ tầng văn hóa quy mô lớn, tái cấu trúc hệ thống thiết chế văn hóa theo hướng đa chức năng, hiện đại và hoạt động thiết thực, nhất là ở cơ sở.

d) Khoa học và công nghệ

Đẩy nhanh ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm vào các lĩnh vực đột phá của thành phố.

đ) An sinh xã hội

- Thực hiện hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm gắn với nâng cao chất lượng lao động, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững; triển khai đầy đủ và đồng bộ các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, đảm bảo chăm lo kịp thời cho các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Tăng cường công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

e) An ninh quốc phòng

Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Vùng kinh tế, xã hội

- Vùng kinh tế - xã hội phía Bắc, gồm 14 xã, phường: Thốt Nốt, Trung

Nhứt, Tân Lộc, Thuận Hưng, Thới Long, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trinh, Thạnh An, Thạnh Quới, Thạnh Phú, Trung Hưng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, Đông Hiệp; Chức năng là cửa ngõ phía Bắc của thành phố, kết nối Tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười và TP. Hồ Chí Minh. Phát triển thành trung tâm dịch vụ, logistics, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ và thương mại đầu mối của vùng phía Bắc của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hình thành mạng lưới trung tâm logistics, kho bãi, cảng cạn, khu - cụm công nghiệp chế biến; phát triển vận tải đa phương thức; đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tăng cường liên kết với đô thị trung tâm và các đô thị lân cận.

- Vùng kinh tế - xã hội trung tâm, gồm 39 xã, phường: Ô Môn, Phước Thới, Thới An Đông, Bình Thủy, Cái Khế, Long Tuyền, Tân An, Ninh Kiều, An Bình, Cái Răng, Hưng Phú, Ngã Bảy, Đại Thành, Đông Thuận, Thới Lai, Trường Thành, Trường Xuân, Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Long, Trường Long Tây, Tân Hòa, Thạnh Xuân, Đông Phước, Châu Thành, Tân Bình, Thạnh Hòa, Phụng Hiệp, Phú Hữu, Phong Nẫm, An Lạc Thôn, Thới An Hội, Đại Hải, Kế Sách, Nhơn Mỹ, Phú Tâm, Hiệp Hưng, Tân Phước Hưng, Hồ Đắc Kien; chức năng là trung tâm hỗn hợp, đa chức năng, trung tâm hành chính - chính trị, tài chính, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ của thành phố; giữ vai trò hạt nhân điều hành, trung tâm đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử, dịch vụ số và đô thị thông minh. Phát triển theo hướng đô thị hiện đại, mật độ cao có kiểm soát, ưu tiên dịch vụ chất lượng cao, tài chính, thương mại, du lịch đô thị; hạn chế ngành gây ô nhiễm; gắn với chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử đặc trưng.

- Vùng kinh tế - xã hội phía Tây, gồm 21 xã, phường: Vị Thanh, Vị Tân, Long Mỹ, Long Bình, Long Phú 1, Ngã Năm, Mỹ Quới, Vị Thanh 1, Vĩnh Tường, Vị Thủy, Hòa An, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Hỏa Lựu, Lương Tâm, Xà Phiên, Phương Bình, Long Hưng, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Tân Long; chức năng là trung tâm hỗn hợp, đa chức năng, trung tâm kinh tế nông nghiệp của thành phố, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh gắn với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, giáo dục - đào tạo. Kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh thái. Hình thành các khu nghiên cứu, trình diễn, trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, vùng sản xuất tập trung và chuỗi giá trị nông sản gắn với chế biến và logistics.

- Vùng kinh tế - xã hội phía Đông Nam, gồm 16 xã, phường: Sóc Trăng, Phú Lợi, Mỹ Xuyên, Liêu Tú, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Long Phú, Tài Văn, Tân Thạnh, Đại Ngãi, Trường Khánh, Thuận Hòa, An Ninh, Mỹ Hương, An Thạnh, Cù Lao Dung; chức năng là trung tâm hỗn hợp, đa chức năng, trung tâm kinh tế cảng biển, hậu cần nghề cá, công nghiệp và dịch vụ biển, đầu mối xuất nhập khẩu hàng hóa của thành phố; hình thành hệ thống cảng biển, cảng chuyên dùng, khu hậu cần cảng, khu phi thuế quan gắn với phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, cơ khí, đóng - sửa chữa tàu thuyền, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics. Nghiên cứu một số khu vực lấn biển có tiềm năng phát triển, đảm bảo theo đúng quy định.

- Vùng kinh tế - xã hội phía Nam, gồm 13 xã, phường: Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Khánh Hòa, Vĩnh Lợi, Phú Lộc, Lâm Tân, Gia Hòa, Lai Hòa, Nhu Gia, Hòa Tú, Ngọc Tỏ, Thạnh Thới An, Vĩnh Hải; chức năng là trung tâm hỗn hợp, đa chức năng, trung tâm phát triển kinh tế nông nghiệp nước mặn, nông nghiệp công nghệ cao; là vùng trọng điểm nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản của khu vực; đồng thời phát triển kinh tế nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, trung tâm năng lượng mới và năng lượng tái tạo ven biển, kết hợp với dịch vụ - du lịch ven biển, kết hợp với dịch vụ - du lịch ven biển. Nghiên cứu một số khu vực lấn biển có tiềm năng phát triển, đảm bảo theo đúng quy định.

b) Hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: Là trục động lực chính hướng Đông - Nam, kết nối đô thị trung tâm Cần Thơ với khu vực ven biển, cảng biển, khu kinh tế của tỉnh Sóc Trăng (cũ), Định hướng phát triển thành hành lang giao thông, kinh tế tổng hợp, tập trung các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ logistics, đô thị, thương mại, trung chuyển hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, xuất nhập khẩu, gắn chặt với Cảng biển Trần Đề và Khu kinh tế ven biển.

- Hành lang kinh tế ven sông Hậu: Là trục phát triển quan trọng song song hành lang kinh tế Châu Đốc - Cần Thơ, bám theo bờ sông Hậu, gắn với hệ thống cảng, bến thủy nội địa, đô thị, khu du lịch, dịch vụ ven sông. Định hướng phát triển “trục đô thị - dịch vụ ven sông Hậu”, tận dụng lợi thế cảnh quan sông nước, quỹ đất ven sông để phát triển đô thị, dịch vụ, logistics, du lịch sinh thái, sông nước, bến tàu khách, thương mại, dịch vụ ven sông, tạo dải phát triển liên tục từ trung tâm thành phố ra khu vực cửa sông, ven biển.

- Hành lang kinh tế theo cao tốc CT.02: Là trục Đông - Tây chiến lược, kết nối trung tâm đô thị với các khu đô thị mới, khu công nghiệp - dịch vụ và đầu mối giao thông đối ngoại; được định hướng phát triển theo mô hình “trục đô thị, công nghiệp - dịch vụ”, bố trí khu, cụm công nghiệp, kho bãi, logistics, trung tâm thương mại - dịch vụ, công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội cấp vùng, góp phần phân bố lại không gian đô thị, giảm áp lực khu lõi trung tâm và thu hút đầu tư vào các khu vực phía Đông, phía Tây thành phố.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam CT.01: Là trục động lực quốc gia đi qua địa bàn Cần Thơ, kết nối chuỗi đô thị và không gian kinh tế Vĩnh Long - Cần Thơ - Cà Mau và các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long; kết nối vùng kinh tế - xã hội phía Bắc, vùng kinh tế - xã hội trung tâm và vùng kinh tế - xã hội phía Nam, đồng thời là đầu mối liên kết với khu công nghiệp, khu kinh tế biển, mạng lưới đô thị vùng. Định hướng ưu tiên bố trí đô thị hỗn hợp, đầu mối giao thông, trung tâm dịch vụ - thương mại, khu công nghiệp sạch, khu logistics, đồng thời hình thành các nút giao chiến lược với các hành lang Đông - Tây (Châu Đốc - Cần Thơ, CT.02, ven sông Hậu, ven biển), khẳng định vai trò trung tâm liên kết vùng và cực tăng trưởng của Cần Thơ.

- Hành lang kinh tế ven biển CT.33: Là trục phát triển ngoài cùng phía Đông - Nam gắn với dải ven biển và không gian kinh tế biển, kết nối các khu kinh tế ven biển, cảng biển, khu du lịch biển và đô thị ven biển vùng Đồng bằng sông

Cửu Long. Đối với Cần Thơ, hành lang này gắn chặt với Khu kinh tế ven biển Trần Đề và Cảng biển quốc tế Trần Đề, định hướng phát triển các khu chức năng chuyên sâu về kinh tế biển, công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần cảng, khu phi thuế quan, đô thị ven biển, du lịch nghỉ dưỡng biển, là tuyến động lực quan trọng để mở rộng không gian phát triển ra biển, tăng cường liên kết vùng và khai thác hiệu quả kinh tế biển gắn với bảo vệ sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Hành lang kinh tế Cần Thơ - Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu: Là hành lang tiềm năng trong tương lai, định hướng trở thành trục logistics xuất, nhập khẩu mới, kết nối khu vực Vĩnh Châu, Vị Thanh và ven biển Cần Thơ với vùng Tứ giác Long Xuyên và biển Tây; có vai trò bổ trợ, tăng cường năng lực vận tải hàng hóa, dịch vụ logistics, du lịch liên vùng, mở rộng không gian liên kết kinh tế của Cần Thơ về phía Tây và Tây Nam, từng bước hình thành mạng lưới hành lang kinh tế đa hướng, đa cực của thành phố.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

a) Xây dựng hệ thống đô thị gồm đô thị trung tâm là lõi đô thị của thành phố Cần Thơ và các đô thị lân cận; phát triển trở thành trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao của cả vùng. Khai thác các trục giao thông kết nối Cần Thơ - Mỹ Thuận - Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng gắn với cảng biển Trần Đề để tập trung phát triển đô thị, tạo sự lan tỏa tới các khu vực khác trong vùng. Phát triển thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng, đóng vai trò đô thị hạt nhân, động lực thúc đẩy phát triển toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Phát triển đô thị theo mô hình xanh, thông minh, đặc thù sông nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát triển giao thông công cộng khối lượng lớn, khuyến khích giao thông xanh, sử dụng năng lượng tái tạo, tăng tỷ lệ không gian xanh và mặt nước. Khuyến khích phát triển các không gian sinh thái và lõi nông nghiệp giữa các cực đô thị nhằm cân bằng sinh thái, điều tiết ngập và đảm bảo an ninh lương thực cho toàn vùng. Khuyến khích phát triển đô thị theo mô hình định hướng giao thông công cộng (TOD) gắn với các đầu mối giao thông chiến lược như sân bay, các ga đường sắt trong tương lai, bến xe, cảng sông và cảng biển; từng bước hình thành các khu chức năng dịch vụ, thương mại, logistics và đô thị chất lượng cao tại các khu vực có điều kiện thuận lợi.

c) Hệ thống đô thị thành phố Cần Thơ được tổ chức theo mô hình đa cực, đa trung tâm, trong đó các cực đô thị được định hướng chuyên môn hóa chức năng theo từng giai đoạn phát triển, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, lợi thế không gian và khả năng huy động nguồn lực, đảm bảo sự phân công, hỗ trợ và bổ trợ lẫn nhau trong toàn hệ thống. Định hướng phát triển đô thị thành phố Cần Thơ gắn với các hành lang kinh tế chủ đạo, bao gồm hành lang Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, hành lang ven sông Hậu, các tuyến cao tốc CT.01, CT.02, CT.33 và trục liên kết Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

d) Đến năm 2030, hệ thống đô thị thành phố Cần Thơ được định hướng đạt tiêu chí đô thị loại I trên phạm vi toàn thành phố, với 09 đô thị gồm trung tâm Cần Thơ, Ô Môn, Thốt Nốt, Sóc Trăng, Vị Thanh, Ngã Bảy, Ngã Năm, Long Mỹ, Vĩnh Châu và các đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị, từng bước xem xét xác định các đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định. Việc xem xét, đề xuất và quyết định thực hiện do cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Quá trình đô thị hóa được định hướng tăng tốc có kiểm soát, phấn đấu đạt tỷ lệ đô thị hóa đạt 50% trở lên, đồng thời từng bước phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực đô thị và nông thôn.

đ) Tầm nhìn đến năm 2050, Cần Thơ hướng tới hình thái “siêu đô thị Cần Thơ”, vận hành trên nền tảng dữ liệu và kinh tế số, có sức cạnh tranh khu vực; vừa là cực tăng trưởng kinh tế, cửa ngõ ra biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vừa là đô thị đáng sống, bảo tồn bản sắc sông nước - miệt vườn, phát triển hài hòa giữa không gian sản xuất, không gian sinh thái và không gian sống đô thị chất lượng cao.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Phát triển dân cư nông thôn hướng hiện đại, gắn với cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí quốc gia. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng chuyên canh lúa, trái cây, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến và du lịch cộng đồng.

b) Dân cư nông thôn được bố trí theo mô hình tuyến - cụm, tập trung tại trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung, kết hợp các điểm dân cư vượt lũ; từng bước di dời các hộ dân phân tán vào khu dân cư tập trung an toàn. Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, điện, nước, hạ tầng xã hội theo trục thủy - bộ. Khuyến khích phát triển làng nghề, du lịch sinh thái - cộng đồng; thúc đẩy các mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp tuần hoàn, liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và thu nhập người dân, tạo sinh kế bền vững cho người dân; xã hội nông thôn ổn định; dân trí được nâng cao; cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

c) Đối với nông thôn ven đô, đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển nông nghiệp đô thị; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng, tiệm cận với thành thị; hình thành các điểm dân cư tập trung nông thôn xanh, sinh thái. Phát triển các đô thị vệ tinh, giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa phát triển đô thị về địa bàn nông thôn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu kinh tế Trần Đề

Khu kinh tế Trần Đề được định hướng hình thành với quy mô trên 40.000 ha, tại khu vực ven biển, lấn biển gắn với Cảng biển quốc tế Trần Đề, nghiên cứu trên địa bàn các xã Vĩnh Hải, Liêu Tú, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Tài Văn, Tân Thạnh, Đại Ngãi, Trường Khánh, Long Phú và phường Khánh Hòa. Đây là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đóng vai trò là cực tăng trưởng, đầu tàu phát triển phía Đông Nam thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối giao thương hàng hải quốc tế thông qua Cảng biển Trần Đề; là trung tâm thí điểm chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sản xuất tiên tiến, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời là điểm đến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí gắn với kinh tế biển. Không gian Khu kinh tế Trần Đề được tổ chức thành các phân khu chức năng dựa trên nhu cầu phát triển thực tế của Thành phố và được cụ thể hóa thông qua các đồ án quy hoạch cấp dưới, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

a) Thành phố Cần Thơ định hướng phát triển hệ thống khu công nghiệp theo cấu trúc “3 vùng - 3 trung tâm - 1 trục liên kết”, đảm bảo phân vai hợp lý giữa khu vực trung tâm, vùng trục giữa và vùng ven biển. Các khu công nghiệp ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp mũi nhọn, giá trị gia tăng cao như: chế biến nông, thủy sản công nghệ cao; công nghiệp thiết bị năng lượng; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp điện tử, gắn với mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh và tỷ trọng công nghiệp xanh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Tiếp tục duy trì và giữ nguyên hiện trạng của các khu công nghiệp Trà Nóc 1, Trà Nóc 2, Thốt Nốt, Sông Hậu (giai đoạn 1), Tân Phú Thạnh (giai đoạn 1), An Nghiệp, Trần Đề.

c) Đồng thời, định hướng thu hẹp quy mô Khu công nghiệp Hưng Phú 1 và Hưng Phú 2 trên cơ sở diện tích đã được giải phóng mặt bằng; phần diện tích còn lại theo quy hoạch được chuyển sang phân bổ cho nhu cầu mở rộng Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 4. Bên cạnh đó, điều chỉnh quy mô Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2) theo diện tích thực tế sau khi trừ hành lang cao tốc, phần diện tích giảm trừ được bố trí bổ sung cho Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 4. Qua đó, từng bước hình thành trung tâm công nghiệp tập trung quy mô lớn tại khu vực Vĩnh Thạnh, gắn với hệ thống khu đô thị - dịch vụ và logistics đã được quy hoạch.

d) Đối với các khu công nghiệp phát triển mới, Thành phố ưu tiên dự kiến hình thành 27 khu công nghiệp mới, mở rộng khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 4 khoảng 1.090 ha; điều chỉnh vị trí khu công nghiệp Khánh Hòa sang khu công nghiệp Long Phú gắn với cao tốc ven biển CT.33 và Quốc lộ Nam sông Hậu, phù hợp không gian phát triển mới. Tổng thể giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cần Thơ hình thành 01 khu kinh tế và 40 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 61.238 ha, tạo khung phát triển công nghiệp - dịch vụ - logistics đồng bộ, hiện đại, làm nền tảng cho mục tiêu trở thành cực tăng trưởng động lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

3. Phương án phát triển hệ thống cụm công nghiệp

a) Phát triển hệ thống cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông đường bộ, đường thủy, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh. Giữ nguyên các cụm công nghiệp hiện có, đồng thời bổ sung, mở rộng các cụm công nghiệp tại những địa bàn có lợi thế để thu hút đầu tư, nhất là chế biến nông - thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ cho khu công nghiệp; từng bước di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào trong cụm công nghiệp, giải phóng quỹ đất đô thị.

b) Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả sử dụng đất; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, ít phát thải, hình thành các cụm liên kết ngành, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

c) Trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thành phố Cần Thơ có 46 cụm công nghiệp với tổng diện tích đạt khoảng 2.749 ha; trong đó riêng đến năm 2030, có 35 cụm công nghiệp, với tổng diện tích khoảng 2.083 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

4. Phương án khu thương mại tự do

a) Nghiên cứu thí điểm và phát triển Khu thương mại tự do Cần Thơ với quy mô khoảng 2.000 - 5.000 ha, tạo động lực tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư chiến lược, thúc đẩy thương mại, logistics, dịch vụ chất lượng cao và đổi mới sáng tạo; là khu vực có ranh giới không gian xác định, được áp dụng các chính sách ưu đãi hấp dẫn, vượt trội, cạnh tranh để thu hút các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước có vị thế dẫn dắt đối với một số ngành ưu tiên, thúc đẩy các liên kết và tạo hiệu ứng lan tỏa với các hoạt động sản xuất trong nước cùng các cơ chế hợp tác để hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp trên nền tảng quản trị hiện đại, tinh gọn phù hợp với thông lệ quốc tế.

b) Khu thương mại tự do được định hướng trở thành động lực tăng trưởng mới, hành lang giao thương quốc tế, môi trường đầu tư minh bạch, ưu đãi đặc thù, nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; được tích hợp các chức năng logistics cảng sân bay, cảng nước sâu gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ tài chính, công nghiệp chế biến, chế tạo và các chức năng phụ trợ khác. Địa điểm dự kiến quy hoạch tại 02 vị trí: khu vực trung tâm Thành phố gắn với sân bay Cần Thơ, trung tâm logistics hàng không và Khu công nghệ cao; Khu kinh tế ven biển Trần Đề gắn với cảng nước sâu và trung tâm logistics cảng.

5. Phương án phát triển khu đô thị sinh thái - du lịch Cù Lao Dung

a) Quy hoạch phát triển Khu đô thị sinh thái - du lịch Cù Lao Dung tại khu vực xã Cù Lao Dung và xã An Thạnh, trở thành động lực mới cho phát triển đô thị - du lịch - dịch vụ của thành phố Cần Thơ. Khu vực có vị trí chiến lược giữa cửa sông Hậu và vùng ven biển, kết nối thuận lợi với Khu kinh tế Trần Đề và Khu

kinh tế Định An (tỉnh Vĩnh Long), tuyến cao tốc CT.33, giao thông đường thủy và đường biển, tạo điều kiện thúc đẩy đô thị hóa và liên kết vùng ven biển.

b) Khu đô thị sinh thái - du lịch Cù Lao Dung có tính chất là vùng du lịch trọng điểm, hướng tới trung tâm nghỉ dưỡng cao cấp, đáng sống, phát triển tổng hợp các ngành thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị - nông nghiệp công nghệ cao, gắn với lợi thế sinh thái sông Hậu và vùng ven biển; bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử - sinh thái đặc trưng của vùng sông nước miền Tây.

c) Hình thành các khu đô thị - dịch vụ cao cấp, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, công viên sinh thái; phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch văn hóa - lịch sử; phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, phù hợp điều kiện tự nhiên, đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân.

6. Phương án phát triển khu công nghệ thông tin

a) Quy hoạch Khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ với quy mô khoảng 20 ha, định hướng trở thành trung tâm công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, là hạt nhân phát triển kinh tế số của thành phố. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thu hút các dự án sản xuất phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin, tạo việc làm chất lượng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của đô thị;

b) Hoàn thiện và đưa vào hoạt động Khu Công nghệ số Hậu Giang diện tích khoảng 28 ha, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung doanh nghiệp công nghệ, trung tâm nghiên cứu, viện - trường, vườn ươm công nghệ; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm tự chủ về công nghệ và sản xuất trong nước.

7. Phương án phát triển khu khoa học công nghệ

a) Khu Công nghệ cao: với quy mô khoảng 250 ha, ưu tiên đầu tư các ngành nghề, lĩnh vực: công nghệ sinh học (CNSH), công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng, công nghệ sau thu hoạch và ứng dụng CNC trong y dược, các ngành công nghiệp ưu tiên ứng dụng CNC...

b) Trại thực nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ khoảng 2,2 ha.

c) Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ (quy mô khoảng 36.439,6m²) trở thành đầu mối kết nối, điều phối hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu trong khu vực; mở rộng kết nối, đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; thu hút vốn, nhà đầu tư, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từ đó đưa thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm và là cực tăng trưởng về khởi nghiệp sáng tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

8. Phương án phát triển khu giáo dục đào tạo

Hình thành Khu đô thị giáo dục - đào tạo, với quy mô khoảng 300 - 400 ha, định hướng phát triển theo mô hình Đô thị đại học dự kiến tại khu vực phường Vị Thanh, phường Vị Tân, xã Vị Thanh 1. Khu vực là trung tâm tri thức và đổi mới sáng tạo lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tích hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, đô thị sinh viên - chuyên gia và công viên tri thức.

9. Phương án phát triển khu y tế

a) Quy hoạch phát triển Khu Y tế công nghệ cao với diện tích khoảng 300-400 ha, là trung tâm khám chữa bệnh chuyên sâu cấp vùng ĐBSCL. Tập trung các bệnh viện chuyên khoa, từng bước di dời các cơ sở y tế trong khu trung tâm không còn quỹ đất mở rộng; hình thành trung tâm giao dịch dược liệu, dược phẩm, thiết bị y tế cấp vùng, phát triển sản xuất dược phẩm, dược liệu gắn với ứng dụng thương mại điện tử và thu hút đầu tư doanh nghiệp y sinh công nghệ cao.

b) Quy hoạch phát triển khu y tế nghỉ dưỡng: phục vụ khám, chữa bệnh kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế. Diện tích khoảng 200 ha. Vị trí dự kiến tại xã Cù Lao Dung, xã An Thạnh hoặc các khu vực có điều kiện phù hợp.

10. Phương án phát triển khu thể dục - thể thao

Quy hoạch phát triển Khu đô thị thể thao Olympic với quy mô diện tích khoảng 3.400ha, định hướng phát triển thành một quần thể đô thị - thể thao hiện đại, đồng bộ, đủ điều kiện để Cần Thơ đăng cai các sự kiện thể thao lớn tầm cỡ khu vực và quốc tế, góp phần khớp nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo không gian kiến trúc - cảnh quan hiện đại cho thành phố. Chức năng đề xuất phát triển đô thị theo mô hình đô thị thể thao với các chức năng cấp quốc gia, quốc tế như: trung tâm huấn luyện, trung tâm sức khỏe và phục hồi chức năng, khu công nghệ và thể thao số, khu đô thị dịch vụ hỗ trợ.

11. Phương án phát triển khu du lịch

Phát triển các khu du lịch thành phố Cần Thơ theo 04 không gian du lịch gồm: không gian du lịch trung tâm, không gian du lịch ven biển, không gian du lịch phía Tây và không gian du lịch phía Nam; trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa của từng địa phương, gắn với phát triển du lịch đô thị, sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa - lễ hội, MICE, cộng đồng và nông nghiệp công nghệ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm)

12. Phương án phát triển khu sản xuất nông nghiệp tập trung

a) Điều chỉnh định hướng vùng sản xuất 02 vụ lúa chất lượng cao, vùng sản xuất lúa - màu, vùng sản xuất lúa - tôm; vùng sản xuất chuyên canh rau màu công nghệ cao, vùng sản xuất cây hoa màu, cây ăn trái chủ lực như: xoài, nhãn, vú sữa, sầu riêng; nuôi trồng và khai thác thủy sản; chăn nuôi tập trung; lâm nghiệp theo xã, phường. Cụ thể như sau:

- Bố trí sản xuất nông nghiệp theo hướng giảm dần sử dụng đất ở các vùng tập trung đông dân cư, có nhu cầu cho các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị hóa cao để giảm sức ép lên quỹ đất. Cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết.

- Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, kết nối chuỗi giá trị trong nước và hướng tới xuất khẩu; tạo lập các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn gắn với phát triển các trung tâm chế biến.

b) Thực hiện tốt phương án quản lý rừng bền vững Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng thời kỳ 2021-2030, nhằm ổn định khoảng 1.761 ha diện tích đất rừng đặc dụng và khoảng 5.409 ha đất rừng phòng hộ của thành phố phân bổ trên địa bàn các xã, phường ven biển thuộc xã Lai Hòa, phường Vĩnh Phước, phường Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hải, xã Cù Lao Dung, xã An Thạnh và xã Trần Đề.

c) Ngoài ra, thành phố định hướng đến năm 2030 có các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, bao gồm Thới Hưng, Thạnh Phú, Cờ Đỏ, Trường Xuân, Ô Môn, Vĩnh Viễn, Thạnh Quới (2 khu), Thạnh An và các khu vực có điều kiện phù hợp khác.

(Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm)

13. Phương án phát triển Tổ hợp công nghiệp, logistics, khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, đô thị gắn với cảng hàng không quốc tế Cần Thơ

a) Trên cơ sở các khu chức năng dự kiến được quy hoạch gắn với khu vực cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, thu hút đầu tư và phát triển Dự án Tổ hợp công nghiệp, logistics, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đô thị gắn với cảng hàng không quốc tế để tạo động lực mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, hình thành chuỗi dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố, khai thác tối đa những tiềm năng, thế mạnh về kết cấu hạ tầng, vị trí, vai trò của Cần Thơ trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng mục tiêu “Phát triển thành phố Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long; là đô thị hạt nhân, trung tâm của vùng về kinh tế, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao”. Vị trí dự kiến thuộc các phường Ô Môn, phường Phước Thới, phường Thới An Đông, phường Bình Thủy và xã Phong Điền, với quy mô dự kiến khoảng 16.000 ha.

b) Định hướng chức năng quy hoạch: Phát triển khu vực này với tính chất là Trung tâm Dịch vụ hàng không và công nghiệp công nghệ cao: Trở thành nơi tập trung các ngành công nghiệp phụ trợ hàng không (MRO, logistics, chuỗi kho lạnh,...), công nghiệp công nghệ cao (hàng không, điện tử, chế biến dược phẩm, nông sản,...) và dịch vụ tài chính, ngân hàng, hải quan, đào tạo chuyên sâu, cao cấp, thu hút giới chuyên gia và nguồn vốn FDI, là khu vực phát triển theo mô hình đô thị mới, nơi tốc độ kết nối là yếu tố định hình không gian, tạo ra môi trường kinh doanh hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài cho toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Chức năng phát triển dự kiến gồm: Cảng hàng không; Trung tâm Dịch vụ hàng không; Tổ hợp công nghiệp hàng không, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản, dược phẩm và logistic; Khu đô thị hàng không; Khu đô thị khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các khu chức năng khác.

14. Phương án xác định khu quân sự, khu an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh đảm bảo thể trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn thành phố. Việc bố trí xây dựng các công trình, diện tích sử dụng quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố phù hợp với quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông thành phố Cần Thơ phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, liên thông, tăng cường kết nối nội vùng và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Cụ thể:

a) Đường bộ

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên hoàn thiện các tuyến cao tốc trục dọc, trục ngang và các tuyến quốc lộ đóng vai trò động lực Vùng.

- Đối với đường bộ do địa phương quản lý: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu, đầu tư mới một số tuyến đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị, đường xã theo quy hoạch đô thị, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục V đính kèm)

b) Đường thủy nội địa

Phát triển mạng lưới đường thủy nội địa ngoài các tuyến do Trung ương quản lý; từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến sông, kênh, rạch chính đạt tối thiểu cấp IV - III đường thủy nội địa. Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa hàng hóa và hành khách phù hợp quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy, logistics và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục VI và Phụ lục VII đính kèm)

c) Đường sắt

Định hướng quy hoạch mạng lưới đường sắt trên địa bàn tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia, trong đó có tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau và tuyến nhánh chuyên dụng kết nối trung tâm logistics, cảng biển Trần Đề.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII đính kèm)

d) Cảng biển, cảng cạn, trung tâm logistics

Phát triển hệ thống cảng biển, cảng cạn trên các hành lang vận tải chính, gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế. Đầu tư xây dựng mới các cảng biển, đặc biệt là cảng biển Trần Đề; hình thành các trung tâm logistics kết hợp với các cảng, nhà ga nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa, giảm chi phí logistics và tăng năng lực cạnh tranh của Vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục VII và Phụ lục XXI đính kèm)

đ) Cảng hàng không, sân bay

Phát triển cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đến năm 2030 đạt cấp 4E (ICAO), công suất 7 triệu hành khách/năm, diện tích khoảng 390ha; đến năm 2050 đạt khoảng 18 - 20 triệu hành khách/năm, diện tích khoảng 730ha; xây dựng trung tâm logistics hàng không, quy mô khoảng 100 ha; phát triển sân bay chuyên dùng, thủy phi cơ phục vụ du lịch, cứu hộ, cứu nạn tại các phường Hưng Phú, Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt... và khu kinh tế Trần Đề.

(Chi tiết tại Phụ lục IX đính kèm)

e) Công trình hạ tầng giao thông khác

- Bến xe khách: Quy hoạch, xây dựng bến xe khách tại các cửa ngõ, đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, vị trí có hạ tầng giao thông thuận lợi; khuyến khích xã hội hóa đầu tư.

- Bãi đỗ xe: Bố trí bãi đỗ xe trong khu vực trung tâm đô thị, các khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, trung tâm hành chính; khuyến khích đầu tư bãi đỗ xe công cộng (kể cả bãi ngầm, bãi nhiều tầng).

- Trạm dừng nghỉ: Quy hoạch và đầu tư trạm dừng nghỉ trên một số tuyến giao thông trọng điểm (cao tốc, quốc lộ, trục kết nối vùng), bảo đảm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ cho người và phương tiện.

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

a) Lưới truyền tải 500kV, 220kV và lưới 110kV

Từng bước hoàn thiện các mạch vòng 500kV, 220kV và 110kV, đảm bảo tiêu chí N-1, có dự phòng cho giai đoạn sau năm 2030; sử dụng cột thép đa mạch, dây dẫn công nghệ cao, từng phần đi chung cột, ngầm hóa tại khu vực trung tâm, khu đô thị mới. Các trạm biến áp được thiết kế tối thiểu 2 máy biến áp, vận hành an toàn, mang tải không quá 75% công suất định mức. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng mới, cải tạo các trạm và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, trong đó có các hạng mục đấu nối nguồn năng lượng tái tạo.

b) Lưới điện phân phối trung áp, hạ áp

Chuẩn hóa lưới trung áp ở cấp 22kV, tổ chức theo cấu trúc mạch vòng vận hành hở tại khu vực đô thị, trung tâm kinh tế; lưới hình tia tại khu vực nông thôn,

kết hợp từng bước ngầm hóa ở đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch. Hoàn thiện lưới hạ áp 0,4kV theo mô hình 3 pha 4 dây, bán kính cấp điện hợp lý, giảm tổn thất điện năng, tăng độ tin cậy; mở rộng, cải tạo đường dây trung - hạ áp và trạm biến áp phân phối gắn với nhu cầu.

c) Nguồn điện và phát triển năng lượng tái tạo

Quy hoạch đa dạng hóa nguồn điện, kết hợp nhiệt điện than, khí, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, đốt rác phát điện và các nguồn năng lượng tái tạo khác; ưu tiên các dự án sạch, hiệu quả, phù hợp định hướng chuyển dịch năng lượng và cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Đồng bộ đầu tư lưới điện đấu nối, trạm biến áp và đường dây truyền tải, đảm bảo khai thác tối đa công suất các nguồn mới, nhất là năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

(Chi tiết tại Phụ lục X đính kèm)

3. Phương án phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin

Phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, dùng chung, gắn với hạ tầng kinh tế - xã hội và không gian số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng, đóng góp vào phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố. Cụ thể:

a) Bưu chính: 100% hộ gia đình có địa chỉ số, ứng dụng mã địa chỉ số trên bản đồ số; phát triển mạng vận chuyển bưu chính công cộng, ứng dụng AI trong khai thác, phát bưu gửi; chuyển dịch mạnh sang bưu chính số, logistics cho thương mại điện tử; phát triển điểm phục vụ bưu chính, bưu điện văn hóa xã; triển khai mã địa chỉ, mã định danh gắn với chính quyền số; xây dựng trung tâm bưu chính, nền tảng số bưu chính, khai thác hiệu quả mã bưu chính số quốc gia, tham gia cung cấp dịch vụ hành chính công qua bưu chính công ích.

b) Viễn thông: Phổ cập Internet băng rộng cáp quang, mạng di động 5G; tăng tỷ lệ dùng chung hạ tầng cột anten, ngầm hóa mạng cáp viễn thông, 100% ngầm hóa tại các tuyến, khu đô thị mới; Phát triển hạ tầng băng rộng, tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh, nội thành dung lượng lớn, là nền tảng hạ tầng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; gắn đồng bộ với quy hoạch hạ tầng đô thị, giao thông, chiếu sáng, cấp - thoát nước.

c) Hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây theo hướng mở, linh hoạt, xanh, an toàn; xây dựng Trung tâm dữ liệu, hạ tầng cloud dùng chung, nền tảng phân tích dữ liệu và AI phục vụ điều hành thông minh; Hoàn thiện mạng truyền số liệu chuyên dùng, hạ tầng CNTT (LAN, thiết bị) tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường; chuyển đổi IPv4 sang IPv6; xây dựng nền tảng IoT tích hợp vào Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC); Xây dựng Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC), đảm bảo an toàn thông tin; hoàn thành Khu công nghệ thông tin tập trung, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp số; Phát triển, nâng cấp các nền tảng và hệ thống số: Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ

công trực tuyến, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, nền tảng hợp, giám sát trực tuyến, trợ lý ảo cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ.

d) Dữ liệu số: Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của thành phố, kết nối với dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng quy hoạch không gian (SPP) hợp nhất dữ liệu đất đai, quy hoạch, giao thông, hạ tầng đô thị; tạo nền tảng quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu, hỗ trợ dự báo phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy ứng dụng AI, chuyển đổi số trên các ngành, lĩnh vực.

(Chi tiết tại Phụ lục XI đính kèm)

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải

a) Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, đồng bộ, đảm bảo tưới - tiêu cho sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế, gắn với phòng chống hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn và thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng mới, nâng cấp, nạo vét, hoàn chỉnh hệ thống kênh trục, công trình kiểm soát lũ - mặn, trạm bơm, đê sông, đê biển và thủy lợi nội đồng cho từng vùng sinh thái (ngọt, ngọt - lợ, lợ - mặn), đảm bảo chủ động cấp - thoát nước, bảo vệ các đô thị, khu dân cư, sản xuất.

b) củng cố, phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, ưu tiên khai thác linh hoạt nguồn nước mặt; nghiên cứu phát triển các hồ, công trình trữ nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho các khu vực chưa đảm bảo nguồn cấp nước; từng bước hạn chế, thay thế khai thác nước dưới đất, nhất là khu vực ven biển, ven ranh mặn - nhạt; các nhà máy nước mới, mở rộng công suất chỉ sử dụng nguồn nước mặt; hoàn thiện, mở rộng mạng lưới cấp nước đô thị, nông thôn tập trung, gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch; phát triển các nhà máy, trạm bơm, tuyến ống truyền tải - phân phối liên kết vùng, nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

c) Thoát nước và xử lý nước thải: Phát triển hệ thống thoát nước mưa và nước thải phù hợp đặc thù đô thị sông nước, tận dụng sông rạch hiện hữu kết hợp cống, mương, hồ điều hòa để chống ngập và cải thiện cảnh quan. Từng bước tách, thu gom và xử lý nước thải đô thị, công nghiệp, y tế đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; ưu tiên đầu tư các hệ thống xử lý tập trung quy mô lớn tại đô thị, khu/cụm công nghiệp, kết hợp các mô hình xử lý phân tán phù hợp điều kiện từng khu vực, nhất là các khu dân cư xả trực tiếp ra các tuyến sông, kênh quan trọng.

(Chi tiết tại Phụ lục XII và Phụ lục XIII đính kèm)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải và nghĩa trang

a) Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung quy mô phù hợp, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, ưu tiên công nghệ xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp, đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải của thành phố Cần Thơ và vùng lân cận. Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường được tổ chức thu gom, vận chuyển về các khu xử lý chất thải rắn tập trung theo phân vùng; chất thải nguy hại được thu gom, trung chuyển và xử lý tại các cơ sở có chức năng

theo quy định; chất thải y tế được thu gom, xử lý tại các khu xử lý tập trung theo tuyến vùng. Tăng cường phân loại rác tại nguồn, khuyến khích tái chế, tái sử dụng, xử lý tuần hoàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

b) Xây dựng mới và mở rộng các nghĩa trang tập trung có hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu mai táng và quy tập, di dời nghĩa trang, phần mộ trên địa bàn thành phố. Đồng thời, đầu tư phát triển hệ thống nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng đạt chuẩn, phù hợp với phong tục tập quán địa phương. Thực hiện việc cải tạo, di dời, đóng cửa các nghĩa trang không đảm bảo yêu cầu theo quy định và tăng cường hiệu quả công tác quản lý nghĩa trang.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV đính kèm)

6. Phương án phát triển hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt

Duy trì ổn định và phát triển 10 kho đầu mối xăng dầu hiện hữu (08 kho đang hoạt động, 02 kho đang xây dựng) và 08 kho trung chuyển xăng dầu quy mô dưới 5.000 m³/kho; quy hoạch xây dựng 07 kho xăng dầu, khí đốt quy mô dưới 5.000 m³/kho; bổ sung 04 kho xăng dầu, khí đốt quy mô dưới 5.000 m³/kho.

(Chi tiết tại Phụ lục XV đính kèm)

7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

a) Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các phường, xã, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ có nguy cơ cháy, nổ cao, khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy quốc gia và các quy định hiện hành.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô, tính chất hoạt động của từng đơn vị.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế

a) Đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực cho các cơ sở y tế, phát triển hệ thống bệnh viện đa khoa, chuyên khoa theo hướng hiện đại, chuyên sâu, có ít nhất 06 bệnh viện xếp cấp chuyên sâu và một số bệnh viện giữ vai trò tuyến cuối vùng. Hình thành các trung tâm y tế cấp vùng (Trung tâm kiểm nghiệm vùng và Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh); xây dựng Trung tâm điều hành cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh gắn với các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn và khu vực.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư hình thành hệ thống bệnh viện, phòng khám tư nhân chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2030 số giường bệnh

ngoài công lập chiếm tối thiểu 15% tổng số giường bệnh, đáp ứng nhu cầu của người dân trong thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế gắn với cụm, khu dân cư; củng cố, hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, phường, đảm bảo 100% xã, phường có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế và phòng khám bác sĩ gia đình, tạo điều kiện để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, liên tục, chất lượng.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI đính kèm)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo

a) Giáo dục mầm non và phổ thông: Phát triển mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn thành phố; sắp xếp, sáp nhập các điểm trường nhỏ lẻ, không đảm bảo điều kiện hoạt động. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; đảm bảo đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm (STEM/STEAM), không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nhiều cấp học, mở rộng hệ thống trường ngoài công lập, trường quốc tế, trường chất lượng cao.

b) Giáo dục nghề nghiệp: Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, bao gồm các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ sở đào tạo nghề, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn. Đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề, gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

c) Giáo dục đại học và sau đại học: Phát triển Cần Thơ là trung tâm giáo dục - đào tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất; đến năm 2030, Đại học Cần Thơ trở thành đại học vùng và trường trọng điểm quốc gia; Trường Đại học Y dược Cần Thơ trở thành trường trọng điểm quốc gia là một trong những trường đại học khoa học sức khỏe hàng đầu Việt Nam. Trường Đại học kỹ thuật - công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Khuyến khích phát triển các trường đại học ngoài công lập, đẩy mạnh liên kết đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở trong nước và quốc tế.

d) Tăng cường cơ sở vật chất hiện đại, phát triển hạ tầng giáo dục số, thư viện số, học liệu mở và quản lý giáo dục bằng dữ liệu trong toàn thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII đính kèm)

3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Xây dựng, nâng cấp đồng bộ hạ tầng khoa học và công nghệ Thành phố đủ về quy mô, lĩnh vực và mức độ hiện đại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước đưa Cần Thơ trở thành một trong những trung tâm khoa học và công nghệ của cả nước.

b) Sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất hiện có, đồng thời ưu tiên đầu tư mới cho các lĩnh vực mũi nhọn; kết hợp nguồn lực ngân sách với xã hội hóa để phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ, khu chức năng khoa học - công nghệ, vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo và các cơ sở nghiên cứu trọng điểm trên địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII đính kèm)

4. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

a) Đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa từ thành phố đến cơ sở; đến năm 2030, 100% xã, phường có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 100% tổ dân phố có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng. Đầu tư xây dựng Bảo tàng Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Nhà hát thành phố; mở rộng, nâng cấp Bảo tàng thành phố Cần Thơ và cải tạo, nâng cấp Bảo tàng Sóc Trăng thành Bảo tàng văn hóa Khmer; phát triển hệ thống thư viện cơ sở và thư viện số; bảo tồn, tôn tạo 100% di tích quốc gia và quốc gia đặc biệt. Xây dựng các công trình văn hóa tiêu biểu làm điểm nhấn đô thị, gắn với phát triển du lịch và bảo tồn bản sắc văn hóa.

b) Đầu tư xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao thành phố, tổ hợp thể thao cấp vùng và hồ bơi trung tâm; duy tu, nâng cấp các công trình thể dục thể thao đạt chuẩn; bổ sung trang thiết bị phục vụ tập luyện, thi đấu; đảm bảo quỹ đất phát triển thể dục thể thao theo quy hoạch. Các trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao được bố trí tại khu vực thuận lợi, có quy mô và trang thiết bị hiện đại, đủ điều kiện tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX đính kèm)

5. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

a) Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội thống nhất, số hóa toàn diện, kết nối liên thông 100% với Cơ sở dữ liệu quốc gia và Trung tâm Giám sát điều hành thông minh. Nâng cấp 26 cơ sở bảo hiểm xã hội hiện hữu thành các trung tâm dịch vụ bảo hiểm xã hội khu vực chuyên biệt hóa, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và mạng thông tin đồng bộ, hoạt động hiệu quả theo mô hình chính quyền hai cấp.

b) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội chuyên môn hóa cấp vùng, đa dạng loại hình dịch vụ, đủ quy mô đáp ứng nhu cầu an sinh của toàn dân. Đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển đổi các cơ sở hiện hữu thành trung tâm dịch vụ trợ giúp xã hội chất lượng cao, liên thông giữa các địa bàn, đảm bảo an sinh xã hội bao trùm, bền vững.

c) Phát huy phong trào đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo nhà ở, sinh kế và đời sống tinh thần cho người có công. Đầu tư nâng cấp, tu bổ các công trình ghi công liệt sĩ theo khả năng cân đối nguồn lực, góp phần giáo dục truyền thống và đảm bảo công bằng xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XX đính kèm)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

a) Duy trì và phát triển ổn định 258 chợ hiện hữu, gồm 03 chợ nổi, 05 chợ đêm và 250 chợ truyền thống. Tập trung đầu tư khai thác hiệu quả các chợ nổi, chợ đêm gắn với phát triển du lịch và kinh tế ban đêm. Hoàn thiện Khu phức hợp chợ kênh Xà No tại phường Vị Thanh. Hình thành 02 trung tâm thương mại - chợ đầu mối, gồm: Trung tâm thương mại dịch vụ và chợ đầu mối nông, thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long (33,6 ha) và Chợ - Trung tâm thương mại dịch vụ Hưng Thạnh (4,8 ha).

b) Duy trì, mở rộng hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện hữu. Đến năm 2030, phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị mới tại các khu đô thị, khu đông dân cư. Khuyến khích phát triển chuỗi cửa hàng tiện lợi phủ khắp phường, xã, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của người dân.

c) Phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; hoàn thiện hạ tầng pháp lý, hạ tầng số phục vụ giao dịch điện tử và logistics thương mại điện tử.

d) Duy trì ổn định và đẩy mạnh phát triển 03 trung tâm logistics đang hoạt động, gồm: (1) Khu dịch hàng hải - cảng biển Hậu Giang tại xã Châu Thành, (2) Cảng và trung tâm logistics Mekong tại xã Châu Thành, (3) Trung tâm logistics Nông sản Xuất khẩu Hậu Giang (Hạnh Nguyên) tại xã Châu Thành. Đến năm 2030, dự kiến trên địa bàn thành phố Cần Thơ có 11 Trung tâm logistics gồm: 03 Trung tâm logistics đang hoạt động; 02 Trung tâm logistics đang trong quá trình xây dựng và dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026 và 06 Trung tâm logistics được quy hoạch, xây dựng mới.

đ) Tập trung đầu tư 01 Trung tâm Hội chợ triển lãm thành phố Cần Thơ quy mô 30ha tại phường Hưng Phú; đưa ra khỏi quy hoạch các trung tâm tại Ngã Bảy và Sóc Trăng. Giữ nguyên dự án Trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP Cần Thơ quy mô khoảng 01ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI đính kèm)

VIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Nguồn lực đất đai được tổng hợp, đánh giá, kiểm kê, thống kê đất đai đầy đủ; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững, tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được phân bổ cho thành phố.

2. Chỉ tiêu sử dụng đất và diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp, được xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu quốc gia, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của địa phương, làm cơ sở triển khai các phương án phát triển không gian và các dự án trọng điểm.

3. Việc triển khai các dự án sau khi điều chỉnh Quy hoạch thành phố được phê duyệt phải phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030,

kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp xã, đảm bảo thống nhất với định hướng sử dụng đất làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII đính kèm)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường

a) Phân vùng môi trường

- Phân vùng bảo vệ môi trường thành phố Cần Thơ theo 03 vùng làm cơ sở triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, gồm: (1) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt là khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung, các khu vực khai thác nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt và khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa. (2) Vùng hạn chế phát thải là các khu dân cư đô thị còn lại, trung tâm các xã, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt theo quy định pháp luật. (3) Vùng bảo vệ khác là các khu, cụm công nghiệp, cụm cảng và các khu vực còn lại trên địa bàn thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII đính kèm)

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Bảo tồn và phát huy các giá trị về thiên nhiên, đa dạng sinh học, các loài sinh vật, nguồn gen và hệ sinh thái đặc trưng của thành phố; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Duy trì, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, đặc biệt là hệ sinh thái đất ngập nước, sông, cù lao; gắn bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV đính kèm)

c) Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường; đầu tư hạ tầng, trang thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục; xây dựng mạng lưới trạm quan trắc phục vụ giám sát chất lượng không khí, nước mặt, nước dưới đất, chất thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp và khu vực nhạy cảm về môi trường.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

a) Bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Khai thác tài nguyên theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, minh bạch; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng. Việc cấp phép khai thác gắn với yêu cầu về năng lực tài chính, công nghệ, bảo vệ môi trường, sử dụng lao động địa phương và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách.

b) Tăng cường phân vùng, kiểm soát chặt chẽ các khu vực có nguy cơ sạt lở, xói lở bờ sông, bờ biển, ô nhiễm nước mặt và nước dưới đất, đặc biệt tại khu vực khai thác cát lòng sông Hậu và vật liệu xây dựng ven biển. Các hoạt động khai thác khoáng sản chỉ được thực hiện sau khi có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và phương án phục hồi môi trường. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, vượt công suất, sai ranh giới.

c) Khuyến khích áp dụng công nghệ khai thác hiện đại, tiết kiệm năng lượng, nâng cao tỷ lệ thu hồi khoáng sản, giảm tổn thất tài nguyên. Gắn khai thác với cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng mặt bằng sau khai thác cho các mục đích nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái hoặc hạ tầng khi đủ điều kiện. Từng bước thúc đẩy sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên, tái chế phế thải xây dựng, tro xỉ và vật liệu không nung theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV đính kèm)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

Phân chia 07 vùng chức năng tài nguyên nước: Vùng I (Bắc Cái Sắn): Vùng kiểm soát lũ, phục vụ sản xuất lúa; Vùng II (Cái Sắn - Thốt Nốt): Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; Vùng III (Thốt Nốt - Ô Môn): Vùng cây ăn trái chuyên canh; Vùng IV (Ô Môn - Xà No): Vùng lấy nước lũ, phù sa vào đồng ruộng, góp phần cải tạo đất, giảm ô nhiễm; Vùng V (Bình Thủy - Ninh Kiều) và Vùng VI (Nam Cái Răng): Vùng đô thị, cụm dân cư được kiểm soát ngập bằng hệ thống ô bao (polder) kết hợp san nền; Vùng VII (Cù lao): Vùng đặc thù, gắn với phát triển sinh thái, du lịch và sản xuất nông nghiệp thích ứng.

b) Bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước

Xây dựng và vận hành hợp lý các công trình thủy lợi, tăng khả năng trữ nước trên hệ thống kênh nội đồng, đảm bảo nước cho sản xuất và sinh hoạt, đồng thời phòng, chống thiên tai liên quan đến nước. Điều tra, đánh giá trữ lượng nước dưới đất; khoanh định và kiểm soát khu vực hạn chế khai thác; ưu tiên khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt và trong tình huống khẩn cấp do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Tăng cường mạng lưới quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt hoạt động khoan, thăm dò, khai thác nước dưới đất.

c) Phân bổ tài nguyên nước

- Điều kiện bình thường: Đảm bảo 100% nhu cầu nước cho sinh hoạt, ưu tiên các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, phân bổ hài hòa giữa các ngành sử dụng nước.

- Khi hạn hán, thiếu nước: Đảm bảo 100% nhu cầu nước sinh hoạt; phần nước còn lại được phân bổ cho y tế, sản xuất, dịch vụ và nông nghiệp theo tỷ lệ phù hợp, gắn với đặc thù từng vùng cấp nước.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, xây dựng và triển khai kế hoạch quan trắc, dự báo, cảnh báo triều cường, ngập úng, nước biển

dâng; củng cố hệ thống đê sông, cống ngăn mặn - giữ ngọt; phòng, chống sạt lở bờ sông, xâm nhập mặn; rà soát, điều chỉnh cơ cấu cây trồng tại khu vực có nguy cơ thiếu nước, đảm bảo an toàn sản xuất và đời sống dân sinh.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai và khu vực ưu tiên: Phòng, chống thiên tai theo hướng đa mục tiêu, kết hợp biện pháp công trình và phi công trình trước, trong, sau thiên tai, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực; tăng cường hợp tác tiểu vùng Mê Kông trong ứng phó biến đổi khí hậu. Cụ thể:

- Ngập lụt, triều cường: Vùng ven biển, cửa sông: Kế Sách, Long Phú, Trần Đề, Cù Lao Dung, Vĩnh Châu (là vùng có rủi ro rất cao, cao); vùng ven sông Hậu: Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Châu Thành, Ngã Bảy; Vùng trung nội đồng: Long Mỹ, Vị Thủy, Phụng Hiệp, Vị Thanh, Mỹ Xuyên, Ngã Năm, Thạnh Trị, Mỹ Tú.

- Xâm nhập mặn: Rủi ro cao, rất cao: Trần Đề, Kế Sách, Long Phú, Vĩnh Châu; Mỹ Xuyên, thành phố Sóc Trăng (cũ), Cù Lao Dung, Châu Thành, Ngã Bảy, lan đến Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Phong Điền; Rủi ro rất thấp: Vĩnh Thanh, Cờ Đỏ, Thới Lai và một số khu vực nội đồng được bảo vệ bởi hệ thống Cái Lớn - Cái Bé.

b) Phương án phát triển hệ thống đê điều và hạ tầng phòng, chống thiên tai. Mục tiêu đến năm 2030: Nâng cấp hệ thống đê hiện có đảm bảo chống bão, lũ, triều cường theo tần suất thiết kế; gắn với quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến đê sông, đê biển. Trong đó:

- Đối với giải pháp phi công trình: Kiểm soát chặt hành lang thoát lũ, không để gia tăng nguy cơ mất an toàn đê điều; Nâng cao năng lực quản lý cho lực lượng quản lý đê và cộng đồng; tăng cường thanh tra, xử lý vi phạm hành lang bảo vệ đê.

- Về giải pháp công trình: Đầu tư, tu bổ, kiên cố hóa các tuyến đê, đảm bảo cao trình, quy mô theo từng tuyến sông; Xây dựng, nâng cấp kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển, ưu tiên các đoạn xung yếu, sạt lở nghiêm trọng; Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, phòng chống ngập úng; Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư tư nhân vào hạ tầng phòng chống thiên tai; thành lập đầu mối thúc đẩy đầu tư, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, đảm bảo ổn định xã hội, quốc phòng - an ninh.

X. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đảm bảo đúng định hướng, đúng quy định của pháp luật.

2. Các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn thành phố đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch thành phố Cần

Thơ sẽ được triển khai thực hiện theo các nghị quyết, quyết định phê duyệt các quy hoạch trên.

XI. GIẢI PHÁP NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về huy động vốn đầu tư

a) Căn cứ quy định pháp luật về đầu tư công và khả năng cân đối ngân sách, thành phố Cần Thơ ưu tiên bố trí vốn nhà nước cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội then chốt, nhất là giao thông, thủy lợi, cấp - thoát nước, y tế, giáo dục, hạ tầng số... nhằm tạo sức lan tỏa, dẫn dắt và thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững các vùng động lực, khu đô thị, khu công nghiệp và trung tâm logistics của thành phố.

b) Đối với các nguồn vốn ngoài ngân sách, mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hợp tác công tư (PPP) và các mô hình đầu tư mới; tăng cường xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, thu hút các tập đoàn, nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực hạ tầng, công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics, thương mại, du lịch, y tế và giáo dục chất lượng cao, nâng dần tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

c) Xây dựng và áp dụng cơ chế, chính sách mang tính đột phá, minh bạch, ổn định để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Cần Thơ; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, huy động tối đa nguồn lực xã hội cho phát triển thành phố theo hướng trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố, gắn chặt với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và các ngành mũi nhọn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Triển khai các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực: công nghiệp chế biến, logistics, dịch vụ thương mại - tài chính, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, du lịch và kinh tế số; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và đô thị trung tâm vùng.

b) Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo quy hoạch, tạo bước đột phá về quy mô và chất lượng đào tạo. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học với doanh nghiệp, đẩy mạnh đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn thị trường lao động và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số

a) Về bảo vệ môi trường: Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước, không khí, đất gắn với vai trò đô thị trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; kiểm soát nghiêm ngặt nguồn thải từ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, làng nghề, y tế, nuôi trồng, chế biến thủy sản; mở rộng thu gom, xử lý nước thải sinh

hoạt đô thị; từng bước hạn chế khai thác nước dưới đất, chuyển sang sử dụng nước mặt đã xử lý, giảm nguy cơ sụt lún, xâm nhập mặn. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn theo hướng phân loại tại nguồn, giảm chôn lấp, tăng tái chế, thu hồi năng lượng; hợp tác vùng trong xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế. Bảo vệ, phục hồi sông, kênh, rạch, đất ngập nước, hành lang xanh ven sông Hậu; phát triển không gian xanh, công viên, du lịch sinh thái; hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường, cơ chế phối hợp liên ngành - liên vùng, đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn, kiểm tra, xử lý vi phạm và nâng cao nhận thức cộng đồng.

b) Về khoa học, công nghệ: Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực phát triển; lồng ghép công nghệ mới (AI, IoT, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường...) vào chuỗi giá trị các ngành chủ lực: nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, logistics, du lịch, dịch vụ đô thị, tài chính, y tế, giáo dục. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới, vườn ươm, sàn giao dịch công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp khoa học và công nghệ, startup sáng tạo trong nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thực phẩm, năng lượng tái tạo, logistics, công nghệ thông tin và dịch vụ số. Ưu tiên nguồn lực, cơ chế ưu đãi tài chính - đất đai cho hoạt động R&D; gắn đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ với Đại học Cần Thơ, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

c) Về chuyển đổi số: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Hoàn thiện kiến trúc chính quyền điện tử, mở rộng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ - dữ liệu; vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC), ứng dụng dữ liệu thời gian thực trong chỉ đạo, điều hành; thúc đẩy kinh tế số trong nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ đô thị; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất ứng dụng nền tảng số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc, logistics, thanh toán số, thương mại điện tử; phát triển hạ tầng số, viễn thông, băng rộng, 5G tại đô thị và khu công nghiệp; xây dựng trung tâm dữ liệu tập trung định hướng trung tâm dữ liệu vùng; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, y tế số, giáo dục số; triển khai chương trình đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, doanh nghiệp, người dân, hình thành lực lượng lao động số làm chủ công nghệ, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

a) Triển khai hiệu quả các nghị quyết, chủ trương của Trung ương về phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long, làm rõ vai trò đô thị trung tâm và cực tăng trưởng của thành phố Cần Thơ trong vùng.

b) Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực phát triển, gồm: Cơ chế phát triển vùng động lực (không gian đô thị trung tâm, các khu công nghiệp, logistics, du lịch); chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược, dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

c) Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, kỷ luật, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết đã ký kết với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương, đối tác khác trong và ngoài nước nhằm tăng cường kết nối hạ tầng, thương mại, đầu tư và phát triển bền vững toàn vùng.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

a) Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị toàn cầu để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

b) Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

6. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

a) Triển khai xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung quy hoạch thành các chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm, hằng năm.

b) Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.

XII. HỆ THỐNG, DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập và triển khai các hoạt động có liên quan trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Trách nhiệm của cơ quan lập quy hoạch

a) Tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, hoàn thiện báo cáo, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch thành phố bảo đảm thống nhất là một phần không tách rời với Quyết định này.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, trình các văn bản triển khai, thực hiện Quy hoạch thành phố Cần Thơ.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan lập quy hoạch theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động phối hợp với cơ quan lập quy hoạch trong hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch này; đồng thời, chủ động xây dựng, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các nội dung Quy hoạch được điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định này. Các nội dung khác không được điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo các văn bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Thủ trưởng sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- VP. UBND TP;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, SMH

CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên